

# SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC NHÂN TỐ DỰ ĐOÁN ĐỐI VỚI SỰ THÀNH CÔNG CỦA NÔNG DÂN CANH TÁC CÂY CÓ MÚI TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Lê Ngọc Thạch<sup>1</sup> và Dương Thái Đức<sup>2</sup>

## ABSTRACT

*This research aims to analyze the relationship between the factors as predictors predicting the performance of citrus farmers. The key data collected through interviews by questionnaire of 183 citrus farmers in three provinces: Vinh Long, Ben Tre and Tien Giang. Descriptive and multi-correlation analysis methods were used. Research results show that motivation of farmer is the factor to predict the greatest influence to performance of farmers. The next factors are: farming experience of farmer, farming knowledge and farming skills of farmers, and finally the impact of the participating in training and the impact of the communication with extension agent. The predictors are positive correlated with the performance of farmers. The farming experience of farmers is the factor of greatest correlation, followed by the farming motivation, the effects of participating in training, the impact communication with extension agent, farming knowledge of farmer, and the lowest factor farming skills of farmers. In addition, the independent variables are correlated with one another. Correlation of these contribute to increasing performance of citrus farmers in the Mekong Delta. Active measures to improve the capacity of performance of farmers are recommended.*

**Key words:** Performance, farmer capacity, citrus

**Title:** The relationships between the predictor factors with the performance of citrus farmers in the Mekong Delta

## TÓM TẮT

Nguyên cứu này tập trung phân tích mức độ tương quan giữa các nhân tố dự đoán đến hiệu quả sản xuất (HQSX) của nông dân canh tác cây có múi. Số liệu chính được thu thập qua phỏng vấn bằng bảng câu hỏi (questionnaire) của 183 nông hộ canh tác cây có múi ở 3 tỉnh: Vĩnh Long, Bến Tre và Tiền Giang. Phương pháp thống kê mô tả và phân tích tương quan đa biến đã được sử dụng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, động lực canh tác là nhân tố dự đoán có ảnh hưởng lớn nhất đến HQSX của nông dân. Các nhân tố kế đến là: kinh nghiệm canh tác, kiến thức canh tác, kỹ năng canh tác của nông dân, và cuối cùng là tác động của sự tham gia tập huấn và tác động của sự trao đổi với cán bộ khuyến nông (CBKN). Các nhân tố dự đoán đều có tương quan thuận với HQSX của nông dân. Kinh nghiệm canh tác của nông dân là nhân tố có hệ số tương quan lớn nhất, tiếp theo là động lực canh tác của nông dân, ảnh hưởng của tập huấn, tác động của sự trao đổi với CBKN, kiến thức canh tác của nông dân, và thấp nhất là nhân tố kỹ năng canh tác của nông dân. Ngoài ra, các biến số độc lập có tương quan thuận với nhau. Sự tương quan này đều góp phần làm tăng HQSX của nông dân canh tác cây có múi trong vùng ĐBSCL. Giải pháp tích cực để nâng cao năng lực và HQSX của nông dân đã được đề nghị.

**Từ khóa:** Hiệu quả sản xuất, năng lực nông dân, cây có múi

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

<sup>1</sup> Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup> Học viên Cao học Phát triển Nông thôn K.15, trường Đại học Cần Thơ

Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được xác định là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển cây ăn trái đặc biệt là cây có múi. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, nguồn giống đa dạng và nông dân có truyền thống canh tác cây ăn trái lâu đời nên là lợi thế giúp ĐBSCL nhanh chóng trở thành vùng trọng điểm sản xuất trái cây (Võ Tông Xuân, 2005). Năm 2007 kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt gần 305,6 triệu USD và năm 2008 đạt khoảng 407 triệu USD (Tổng cục thống kê, 2010).

Tuy nhiên, trong thời gian qua thế mạnh này vẫn chưa được khai thác một cách đúng mức thể hiện qua năng suất và chất lượng trái cây còn thấp. Nông dân ở nhiều địa phương chưa phát huy hiệu quả việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất (TTKN-KNQG, 2009). Đối với hoạt động sản xuất, năng lực canh tác của nông dân đóng vai trò rất quan trọng đến HQSX và mỗi yếu tố này đều có các mức độ ảnh hưởng khác nhau. Trong đó không những chỉ có kỹ năng canh tác và kinh nghiệm canh tác để đạt được HQSX cao mà nông dân cần phải áp dụng những kiến thức, kỹ thuật mới vào sản xuất. Bên cạnh năng lực canh tác để mang lại những lợi ích thiết thực cho hoạt động sản xuất, nông dân phải học hỏi để tiếp nhận kiến thức thông qua việc tham dự các lớp tập huấn cũng như trao đổi với CBKN. Thế nhưng hiện nay nông dân vẫn chưa nhận thức rõ được tầm quan trọng của các nhân tố này đến sự thành công trong sản xuất của họ. Do vậy họ chưa thật sự quan tâm đến việc cải thiện các nhân tố một cách hiệu quả.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, ĐBSCL được đánh giá là một trong những vùng bị ảnh hưởng nặng nhất ở nước ta. Cũng như cây lúa và hoa màu, việc canh tác cây ăn trái trong vùng ĐBSCL cũng đang gặp phải nhiều điều kiện bất lợi nếu như nông dân không đủ năng lực để ứng dụng kịp thời các biện pháp canh tác hợp lý. Bên cạnh đó, không ít thách thức đang đối mặt với nông dân trong thời kỳ Việt Nam vừa mới gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế - WTO. Với tình hình này đòi hỏi nông dân canh tác cây ăn trái đặc biệt là cây có múi phải nhận thức rõ ràng hơn nữa tầm quan trọng của các nhân tố này để có biện pháp nhằm nâng cao được năng lực canh tác của bản thân và tích cực tham gia hoạt động khuyến nông. Có như vậy mới có thể mang lại thành công hơn trong sản xuất. Với những lý do trên nghiên cứu về *“Sự tương quan giữa các nhân tố dự đoán đối với sự thành công của nông dân canh tác cây có múi tại vùng đồng bằng sông Cửu Long”* được thực hiện để đáp ứng nhu cầu bức thiết hiện nay.

## **2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1 Phương pháp thu thập số liệu**

Tiến trình nghiên cứu được thực hiện gồm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu thực hiện nghiên cứu định tính (qualitative research) nhằm khám phá những chỉ tiêu đánh giá, điều chỉnh thang đo và xây dựng bảng câu hỏi thông qua phỏng vấn Phỏng vấn chuyên gia (Key Informance Panel - KIP) và Phương pháp điều tra nhanh nông thôn (Participatory Rural Appraisal - PRA). Giai đoạn nghiên cứu định lượng (quantitative research) được tiến hành thu thập số liệu qua phỏng vấn cá thể bằng bảng câu hỏi (questionnaire), sau đó việc phân tích số liệu và dữ liệu được thực hiện (Neuman, 2000).

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu xác suất theo diện tích và loại cây trồng trong số nông dân canh tác cây có múi ở các tỉnh: Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre. Nhóm nghiên cứu liên hệ với Tung tâm khuyến nông, Trạm khuyến nông, Ủy ban nhân dân xã, Hội nông dân, và câu lạc bộ khuyến nông xã để xác định ra đối tượng đáp ứng tiêu chuẩn: nông dân canh tác cây có múi, có diện tích canh tác từ 0,2 ha trở lên và vườn cây trong giai đoạn cho trái (giai đoạn kinh doanh), đồng thời đáp viên (respondents) là những người trực tiếp sản xuất, có trình độ học vấn (có thể tự đọc và viết tốt) và có nhiều kinh nghiệm sản xuất. Trong số những nông hộ canh tác cây có múi đạt yêu cầu được địa phương giới thiệu, 183 hộ được chọn để tiến hành phỏng vấn. Nông hộ được phỏng vấn thông qua bảng câu hỏi (questionnaire) sử dụng thang đo 5 điểm-Likert. Sự phân bố mẫu điều tra nông hộ được trình bày ở Bảng 1 dưới đây.

**Bảng 1: Phân bố mẫu điều tra nông hộ**

Tỉnh	Địa bàn khảo sát (huyện)	Địa điểm điều tra (xã)	Số mẫu	Loại cây trồng
Vĩnh Long	Bình Minh	Mỹ Hòa, Thuận An	60	Bưởi Năm Roi
Tiền Giang	Cái Bè	Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B	60	Cam Sành
Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	Tân Phú Tây, Thạnh Ngãi	63	Bưởi Da Xanh
Tổng			183	

## 2.2 Sử dụng thang đo Likert Scale

Thang đo Likert là hình thức đo lường được sử dụng phổ biến nhất trong nghiên cứu kinh tế - xã hội. Thang đo Likert scale có nhiều chỉ báo từ 3, 5, hoặc 10 cấp độ. Nghiên cứu này sử dụng thang đo với 5 cấp độ: (1) Rất không hài lòng hoặc rất ít, (2) Không hài lòng hoặc ít, (3) Bình thường hoặc trung bình, (4) Hài lòng hoặc nhiều, và (5) Rất hài lòng hoặc rất nhiều. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), nếu khái niệm mang tính đơn khía cạnh thì chỉ cần tìm một tập hợp, trong khi khái niệm là đa khía cạnh thì cần nhiều tập hợp các mục câu hỏi. Nghiên cứu này sử dụng khái niệm đơn khía cạnh cho biến số phụ thuộc (Y hay HQSX) và đa khía cạnh cho các biến số độc lập (từ  $X_1$  đến  $X_6$ ). Các biến số biến động từ 6 đến 13 mục câu hỏi.

## 2.3 Phương pháp phân tích số liệu

Sử dụng phương pháp thống kê mô tả (Descriptive Statistic) với các đại lượng như điểm trung bình - mean score (Mean - M), độ lệch chuẩn (Standard Deviation - SD), v.v... để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố dự đoán đến sự thành công (hay HQSX) của nông dân. Đồng thời phân tích tương quan với hệ số tương quan Pearson được sử dụng để xem xét mức độ tương quan (correlation - r) giữa các nhân tố về năng lực canh tác của nông dân và với HQSX của nông dân canh tác cây có múi (Howitt and Cramer, 2005; Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Thông tin cơ bản của các nông hộ canh tác cây có múi

Trong số 183 nông hộ (mỗi hộ là một đáp viên) được phỏng vấn có 92,3% là nam và nữ chỉ chiếm 7,7% đại diện cho những hộ canh tác cây có múi trong vùng nghiên cứu. Những nông dân này có độ tuổi trung bình là 48 tuổi, thấp nhất là 23 tuổi và cao nhất là 76 tuổi. Với độ tuổi trung bình này nông dân có thể đã tích lũy được nhiều kinh



nghiệm trong hoạt động sản xuất. Về đào tạo chuyên môn thì chỉ có khoảng 2% nông dân đã qua đào tạo nghề. Do đối tượng nghiên cứu của đề tài là những nông dân có thể đọc và viết tốt nên đáp viên được chọn đều là những người có học vấn. Tuy nhiên, trình độ học vấn của họ có sự chênh lệch khá lớn: trình độ cấp II có tỷ lệ cao nhất chiếm 50%, kế đến là trình độ cấp III với 27,8% và cuối cùng là trình độ cấp I chiếm 21,7%.

### 3.2 Vai trò của các nhân tố dự đoán đối với hoạt động canh tác cây có múi

Từ kết quả phỏng vấn KIP với CBKN và PRA với nông dân cho thấy có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công trong sản xuất của những nhà vườn. Tuy nhiên trong giới hạn nghiên cứu của đề tài này chỉ khảo sát sự ảnh hưởng của nhóm nhân tố về năng lực canh tác và ảnh hưởng của hoạt động khuyến nông đến HQSX của nông dân. Trong đó năng lực canh tác bao gồm bốn nhân tố là kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và động lực canh tác, và hai nhân tố khác là ảnh hưởng của việc nông dân tham gia tập huấn và nông dân trao đổi với CBKN đến sự thành công trong sản xuất của họ. Phân tích dưới đây được thực hiện trên kết quả điều tra bằng bảng câu hỏi (questionnaire) do đáp viên (nông dân) trả lời phần lớn được xử dụng thang đo 5 điểm-Likert scale.

#### 3.2.1 Vai trò của kiến thức trong hoạt động canh tác cây có múi

Theo Ngô Thị Thuận (2005), kiến thức là hiểu biết về lý thuyết về các sự kiện, thông tin mà người học thu nhận, ghi nhớ được quá trình nghe, đọc và quan sát. Kết quả trình bày ở Bảng 2 cho thấy, các yếu tố về kiến thức đã ảnh hưởng đến hoạt động canh tác của nông dân được đánh giá ở mức trung bình trở lên. Kiến thức giúp gia tăng HQSX có điểm trung bình cao nhất ( $M = 3,72$ ,  $SD = 0,86$ ). Kế đến là kiến thức giúp cho nông dân tự tin hơn trong việc làm vườn có điểm trung bình khá cao ( $M = 3,66$ ,  $SD = 1,03$ ). Cuối cùng, kiến thức cũng giúp nông dân sẵn sàng đương đầu với thách thức trong thời kỳ mới ( $M = 3,11$ ,  $SD = 1,23$ ). Như vậy, có thể thấy kiến thức canh tác giúp nông dân tự tin hơn trong lao động sản xuất, hạn chế những khó khăn, thách thức và đặc biệt là nâng cao HQSX của họ.

**Bảng 2: Mức độ ảnh hưởng của kiến thức đến hiệu quả sản xuất (N = 183)**

Nội dung	M	SD
Tăng hiệu quả sản xuất	3,72	0,86
Tự tin hơn trong việc làm vườn	3,66	1,03
Thành công hơn những người làm vườn khác	3,61	1,01
Nâng cao khả năng canh tác	3,60	0,93
Làm giảm rủi ro trong sản xuất	3,27	1,07
Hạn chế khó khăn của điều kiện thời tiết	3,20	1,07
Đương đầu với thách thức trong thời kỳ mới	3,11	1,23

*Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 183 nông dân tại Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre, năm 2010-2011*

Tuy nhiên kiến thức của nông dân chưa thể mang lại HQSX cao khi điều kiện thời tiết biến đổi thất thường như hiện nay và đặc biệt là những thách thức, cạnh tranh với nông sản các nước khác đang tràn vào thị trường trong nước.

#### 3.2.2 Vai trò của kỹ năng canh tác trong hoạt động canh tác cây có múi

Kỹ năng là khả năng làm được việc gì đó bao gồm cả nhận thức và thực hành (Ngô Thị Thuận, 2005). Trong sản xuất nông dân không chỉ áp dụng một kỹ năng nhất định

mà có thể kết hợp nhiều kỹ năng khác nhau nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Ở đây, nhóm kỹ năng về chăm sóc vườn cây ăn trái như tưới nước, tạo tán, tỉa cành được nông dân đánh giá là có ảnh hưởng nhiều nhất đến HQSX ( $M = 4,13$ ,  $SD = 0,94$ ). Tuy nhiên, những kỹ năng canh tác theo phương pháp mới, áp dụng kỹ thuật tiên tiến vẫn còn hạn chế: kỹ năng sản xuất theo tiêu chuẩn Global GAP thấp nhất ( $M = 2,37$ ,  $SD = 1,41$ ), (xem Bảng 3).

**Bảng 3: Mức độ ảnh hưởng của kỹ năng canh tác đến hiệu quả sản xuất ( $N = 183$ )**

Nội dung	M	SD
Kỹ thuật chăm sóc vườn (tưới nước, tỉa cành,...)	4,13	0,94
Kỹ năng chọn giống sạch bệnh	3,77	1,28
Sử dụng phân hữu cơ, phân chuồng, vi sinh...	3,74	1,25
Sử dụng phân bón hợp lý	3,71	1,17
Bảo vệ cây trồng	3,61	1,18
Kỹ thuật nhân giống sạch bệnh	3,59	1,32
Kỹ thuật cải tạo vườn tạp	3,30	1,21
Kỹ năng phát hiện bệnh	3,27	1,20
Kỹ thuật tăng khả năng cho trái của cây trồng	3,18	1,21
Kỹ thuật xử lý mùa nghịch	3,14	1,32
Kỹ thuật xử lý ra hoa	3,11	1,34
Biện pháp IPM	2,69	1,45
Sản xuất theo tiêu chuẩn Global GAP	2,37	1,41

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 183 nông dân tại Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre, năm 2010-2011

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, hiện nay nông dân áp dụng những kỹ thuật sản xuất truyền thống vào sản xuất là chủ yếu. Đối với những tiến bộ khoa học kỹ thuật, và kỹ năng canh tác tiên tiến thì nông dân vẫn chưa có cơ hội áp dụng nên chưa tạo được những chuyển biến tích cực để nâng cao HQSX.

### 3.2.3 Vai trò của kinh nghiệm canh tác trong hoạt động canh tác cây có múi

Học tập qua kinh nghiệm là một quá trình học thông qua những kinh nghiệm trực tiếp của bản thân từ các hoạt động thực tiễn trong cuộc sống. Nhìn chung, nông dân đánh giá kinh nghiệm canh tác có ảnh hưởng nhiều đến HQSX. Kinh nghiệm giúp họ làm tăng HQSX, có điểm trung bình cao nhất ( $M = 3,81$ ,  $SD = 0,91$ ). Trong khi đó, ba mục được nông dân đánh giá có mức thấp, điểm trung bình gần bằng nhau là hạn chế được khó khăn trong điều kiện thời tiết thất thường ( $M = 3,49$ ,  $SD = 1,02$ ), giảm rủi ro trong sản xuất ( $M = 3,48$ ,  $SD = 0,99$ ), vượt qua những thách thức trong thời kỳ mới ( $M = 3,47$ ,  $SD = 1,10$ ), (xem Bảng 4). Nhìn một cách tổng quát về điểm trung bình của các mục, biến số về kinh nghiệm canh tác là khá cao ( $M = 3,47$  đến  $3,81$ ).

**Bảng 4: Mức độ ảnh hưởng của kinh nghiệm canh tác đến hiệu quả sản xuất ( $N = 183$ )**

Nội dung	M	SD
Giúp tăng hiệu quả sản xuất	3,81	0,91
Dễ dàng tiếp thu kiến thức mới	3,72	0,85
Nâng cao năng lực canh tác	3,68	0,96
Hạn chế được khó khăn trong điều kiện thời tiết thất thường	3,49	1,02
Giảm rủi ro trong sản xuất	3,48	0,99
Vượt qua những thách thức trong thời kỳ mới	3,47	1,10

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 183 nông dân tại Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre, năm 2010-2011

Qua phân tích trên đây cho thấy kinh nghiệm canh tác không chỉ góp phần mang lại HQSX cao mà còn là cơ sở giúp nông dân dễ dàng tiếp thu kiến thức, nâng cao năng

lực cạnh tranh của họ. Từ đó nông dân có thể vượt qua những khó khăn, trở ngại và thách thức mới trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay.

### 3.2.4 Vai trò của động lực cạnh tranh trong hoạt động cạnh tranh cây có múi

Trong các yếu tố năng lực cạnh tranh của nông dân, yếu tố động lực cạnh tranh được nông dân đánh giá có ảnh hưởng cao nhất đến hoạt động cạnh tranh cây có múi. Kết quả được tổng hợp ở Bảng 5 sau đây.

**Bảng 5: Mức độ ảnh hưởng của động lực cạnh tranh đến hiệu quả sản xuất (N = 183)**

Nội dung	M	SD
Vì thích nghề làm vườn	4,45	0,88
Rất quan tâm đến việc chăm sóc vườn cây có múi	4,27	0,74
Nâng cao hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập	4,22	0,94
Lợi ích kinh tế vườn thúc đẩy sản xuất	4,10	0,87
Người hàng xóm đều cạnh tranh có hiệu quả là động lực giúp thành công	3,91	1,08
Chính sách hỗ trợ của địa phương thúc đẩy sản xuất	2,56	1,32

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 183 nông dân tại Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre, năm 2010-2011

Thích nghề làm vườn được nông hộ đánh giá với mức điểm trung bình cao nhất ( $M = 4,45$ ,  $SD = 0,88$ ) trong nhóm biến số về động lực cạnh tranh, kế đến là nông dân rất quan tâm đến việc chăm sóc vườn ( $M = 4,27$ ,  $SD = 0,74$ ). Trong khi đó mục chính sách hỗ trợ của địa phương thúc đẩy sản xuất được nông dân đánh giá thấp nhất ( $M = 2,56$ ,  $SD = 1,32$ ). Như vậy có thể thấy rằng hoạt động cạnh tranh hiện nay của nông dân chưa nhận được nhiều sự quan tâm và các chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất từ phía chính quyền địa phương. Điều này đã làm giảm đi phần nào động lực cạnh tranh của nông dân.

### 3.2.5 Vai trò của tập huấn trong hoạt động cạnh tranh cây có múi

Mức độ ảnh hưởng của tập huấn đến HQSX của nông dân được trình bày ở Bảng 6. Điểm trung bình của 5 trong 6 mục thuộc nhóm biến số này khá cao ( $M = 3,29$  đến  $3,52$ ). Trong đó 2 mục tham gia tập huấn đã giúp nông dân an tâm sản xuất, và qua tập huấn đã cung cấp kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm được nông hộ đánh giá cao nhất ( $M = 3,52$ ,  $SD = 1,26$ ) và ( $M = 3,50$ ,  $SD = 1,27$ ). Trong khi đó, mục cung cấp thông tin về chương trình hỗ trợ của nhà nước được nông dân đánh giá thấp nhất trong nhóm các biến số này ( $M = 2,98$ ,  $SD = 1,46$ ).

**Bảng 6: Mức độ ảnh hưởng của tập huấn đến hiệu quả sản xuất (N = 183)**

Nội dung	M	SD
An tâm sản xuất	3,52	1,26
Cung cấp kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm sản xuất	3,50	1,27
Giải quyết nhanh chóng khó khăn trong sản xuất	3,35	1,23
Có vai trò quan trọng trong sản xuất	3,46	1,22
Định hướng sản xuất hợp lý	3,42	1,28
Giúp giảm thiểu những rủi ro trong sản xuất	3,29	1,29
Cung cấp thông tin về chương trình hỗ trợ của nhà nước	2,98	1,46

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 183 nông dân tại Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre, năm 2010-2011

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, nông dân đã ý thức được vai trò của hoạt động tập huấn và đánh giá cao những lợi ích mà các lớp tập huấn mang lại đối với quá trình cạnh tranh của họ. Điều này đã góp phần thúc đẩy nông dân mạnh dạn tham gia tập huấn



hơn nữa trong thời gian tới. Tuy nhiên việc cung cấp thông tin chính sách của nhà đến với nông dân vẫn của các cơ quan khuyến nông vẫn còn hạn chế.

### 3.2.6 Vai trò của sự trao đổi giữa nông với cán bộ khuyến nông trong hoạt động canh tác cây có múi

Trao đổi với CBKN cũng là nguồn thông tin quan trọng mang lại nhiều lợi ích cho hoạt động canh tác của nông hộ. Qua kết quả ở Bảng 7 cho thấy nông hộ đánh giá thấp mức độ ảnh hưởng của việc trao đổi với CBKN đến HQSX của họ và các mục của biến số này đều được đánh giá ở mức trung bình ( $M = 2,45$  đến  $2,89$  và  $SD = 1,39$  đến  $1,54$ ). Trong đó mục cung cấp kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm canh tác có điểm trung bình cao nhất cũng chỉ đạt ( $M = 2,89$ ,  $SD = 1,54$ ) và mục trao đổi với CBKN giúp giải quyết nhanh chóng khó khăn trong sản xuất bị đánh giá thấp nhất ( $M = 2,45$ ,  $SD = 1,39$ ).

**Bảng 7: Mức độ ảnh hưởng của trao đổi với cán bộ khuyến nông đến hiệu quả sản xuất ( $N = 183$ )**

Nội dung	M	SD
Cung cấp kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm canh tác	2,89	1,54
An tâm sản xuất	2,75	1,53
Có vai trò quan trọng trong sản xuất	2,73	1,51
Định hướng sản xuất hợp lý	2,67	1,50
Giúp giảm thiểu những rủi ro trong sản xuất	2,60	1,49
Cung cấp thông tin chương trình hỗ trợ của nhà nước	2,54	1,54
Giải quyết nhanh chóng khó khăn trong sản xuất	2,45	1,39

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 183 nông dân tại Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre, năm 2010-2011

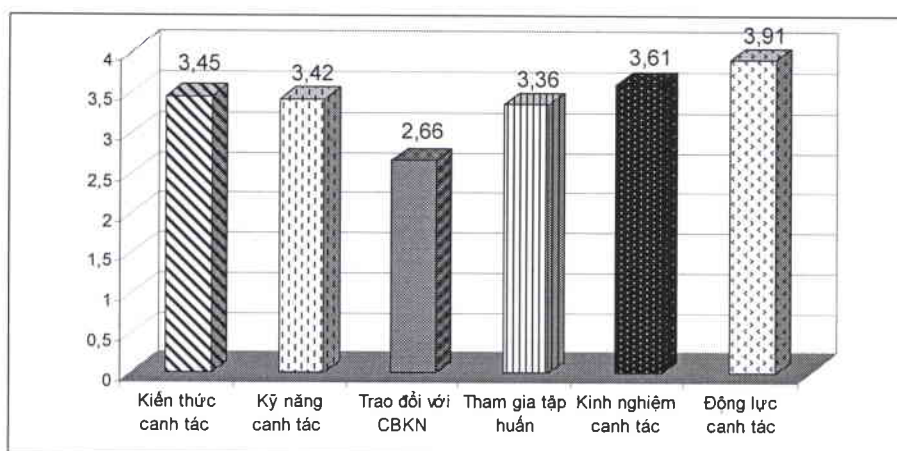
Qua phân tích mức độ ảnh hưởng này cho thấy, CBKN chưa thể hiện được vai trò của mình trong việc giúp nông dân giải quyết tốt những khó khăn, trở ngại phát sinh trong quá trình sản xuất của họ.

### 3.3 Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố dự đoán đến hiệu quả sản xuất của nông dân

Kết quả trình bày ở Hình 1 cho thấy trong các yếu tố về năng lực canh tác thì động lực canh tác của nông dân được đánh giá có mức độ ảnh hưởng tốt nhất đến HQSX của họ với điểm trung bình ( $M = 3,91$ ,  $SD = 0,62$ ). Kết quả này phù hợp với thực tế vì khi nông dân có động lực tốt sẽ giúp cho họ hăng say lao động, nỗ lực làm việc hết mình và sẽ nâng cao HQSX.

Một yếu tố nữa cũng rất quan trọng ảnh hưởng đến HQSX là kinh nghiệm canh tác có điểm trung bình cao ( $M = 3,61$ ,  $SD = 0,65$ ). Điều này chứng tỏ HQSX của nông dân trong vùng nghiên cứu hiện nay cơ bản là dựa vào kinh nghiệm canh tác.

Hai yếu tố được nông dân đánh giá có ảnh hưởng đến HQSX thấp hơn, có điểm trung bình tương đương khá cao là kiến thức canh tác ( $M = 3,45$ ,  $SD = 0,69$ ) và kỹ năng canh tác ( $M = 3,42$ ,  $SD = 0,76$ ). Cuối cùng, hai yếu tố tham gia tập huấn ( $M = 3,36$ ,  $SD = 1,14$ ) và trao đổi với CBKN ( $M = 2,66$ ,  $SD = 1,31$ ) có mức độ ảnh hưởng đến HQSX thấp nhất, (xem Hình 4.14).



**Hình 1: Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố dự đoán đến hiệu quả sản xuất**  
 Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 183 nông dân tại Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre, năm 2010-2011

Điều này cho thấy công tác khuyến nông chưa thật sự phát huy tốt vai trò trong việc đào tạo - tập huấn để nâng cao HQSX cho nông dân.

### 3.4 Sự tương quan giữa các biến số dự đoán và HQSX của nông dân canh tác cây có múi

Hệ số tương quan Pearson (Pearson product-moment correlation coefficients) được sử dụng để phân tích khảo sát mối quan hệ giữa các nhân tố dự đoán (các biến số độc lập) đối với HQSX của nông hộ canh tác cây có múi (biến số phụ thuộc) trong nghiên cứu này.

Kết quả phân tích cho thấy tương quan tuyến tính cao nhất là giữa kinh nghiệm canh tác của nông hộ với HQSX của họ ( $r = 0,48$ ,  $p = 0,0001$ ). Hệ số tương quan dương là 0,48 ngụ ý rằng biến số kinh nghiệm canh tác của nông hộ càng tăng sẽ làm tăng giá trị HQSX. Điều này phù hợp với thực tế hiện nay, những nông hộ có nhiều kinh nghiệm trong canh tác thường đạt HQSX cao hơn những hộ nông dân khác. Động lực canh tác là biến số độc lập thứ hai có mức tương quan tuyến tính dương khá cao đối với HQSX ( $r = 0,41$ ,  $p = 0,0001$ ). Động lực là nhân tố thúc đẩy nông dân hăng say làm việc nên góp phần nâng cao HQSX của họ. Biến số thứ ba có tương quan tuyến tính dương ở mức trung bình đó là ảnh hưởng của việc tham gia tập huấn với HQSX ( $r = 0,38$ ,  $p = 0,0001$ ).

Ba biến số độc lập tiếp theo có mức tương quan thuận tương đối thấp giữa HQSX của nông hộ canh tác cây có múi với ảnh hưởng của trao đổi với CBKN có  $r = 0,28$  ( $p = 0,0001$ ), kiến thức canh tác có  $r = 0,26$  ( $p = 0,0001$ ), và kỹ năng canh tác có  $r = 0,25$  ( $p = 0,0001$ ), (xem Bảng 8). Bảng hệ số tương quan này cho thấy dường như có điều hợp lý rằng HQSX của nông dân canh tác cây có múi có khả năng tăng khi có sự gia tăng ở các biến số kinh nghiệm canh tác, động lực canh tác, ảnh hưởng của tập huấn, tác động của sự trao đổi với CBKN, kiến thức canh tác, và kỹ năng canh tác.

Bên cạnh mối tương quan giữa các nhân tố dự đoán (các biến số độc lập) với HQSX của nông hộ canh tác cây có múi (biến số phụ thuộc) thì giữa các nhân tố dự đoán lại có mối tương quan với nhau. Trước hết, hai nhân tố dự đoán là động lực canh tác và kinh nghiệm canh tác của nông hộ có sự tương quan với nhau ở mức cao ( $r = 0,46$ ,  $p = 0,0001$ ). Điều này cho thấy giữa động lực và kinh nghiệm canh tác có mối tương quan



khá chặt chẽ với nhau. Như vậy, có thể nói người nông dân có động lực canh tác càng cao thì giúp tăng thêm kinh nghiệm canh tác, và ngược lại. Kế tiếp, hai nhân tố dự đoán là tham gia tập huấn và trao đổi với CBKN có tương quan ở mức khá cao ( $r = 0,41$ ,  $p = 0,0001$ ). Điều này cho thấy việc tham gia các lớp tập huấn của nông hộ tăng lên sẽ dẫn đến việc trao đổi với CBKN cũng sẽ làm tăng theo, và ngược lại.

**Bảng 8: Hệ số tương quan Pearson giữa các nhân tố dự đoán và sự thành công trong sản xuất của nông dân (N = 183)**

Các biến dự đoán HQSX		Y	X <sub>1</sub>	X <sub>2</sub>	X <sub>3</sub>	X <sub>4</sub>	X <sub>5</sub>	X <sub>6</sub>
Y	Hiệu quả sản xuất của nông dân							
X <sub>1</sub>	Kiến thức canh tác của nông dân	0,26(**)						
X <sub>2</sub>	Kỹ năng canh tác của nông dân	0,25(**)	0,32(**)					
X <sub>3</sub>	Ảnh hưởng của trao đổi với CBKN	0,28(**)	0,24(**)	0,12				
X <sub>4</sub>	Ảnh hưởng của tập huấn	0,38(**)	0,31(**)	0,20(**)	0,41(**)			
X <sub>5</sub>	Kinh nghiệm canh tác của nông dân	0,48(**)	0,25(**)	0,11	0,16(*)	0,31(**)		
X <sub>6</sub>	Động lực canh tác của nông dân	0,41(**)	0,23(**)	0,09	0,22(**)	0,26(**)	0,46(**)	
Trung bình ( $\bar{X}$ )		3,64	3,45	3,42	2,66	3,36	3,61	3,91
Độ lệch chuẩn		0,777	0,685	0,755	1,310	1,138	0,646	0,624
Số câu hỏi		1	7	13	7	7	6	6

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 183 nông dân tại Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre, năm 2010-2011

Ghi chú: \*\* với mức ý nghĩa 1%

Ngoài ra, một số nhân tố dự đoán còn có mối tương quan với nhau nhưng mức độ tương quan thấp như: kỹ năng và kiến thức canh tác có hệ số tương quan  $r = 0,32$ ; ảnh hưởng của tập huấn và kiến thức canh tác có hệ số tương quan  $r = 0,31$ ; ảnh hưởng của tập huấn và nghiệm canh tác có hệ số tương quan  $r = 0,31$ .

## 4. KẾT LUẬN

### 4.1 Kết luận

Các biến số độc lập để dự đoán HQSX trên cây có múi được nông dân đánh giá theo thang đo 5 điểm-Likert đều có điểm trung bình cao ( $M = 2,66$  đến  $3,91$ ). Hai nhân tố động lực canh tác ( $M = 3,91$ ,  $SD = 0,62$ ) và kinh nghiệm canh tác ( $M = 3,61$ ,  $SD = 0,65$ ) có ảnh hưởng lớn nhất đến HQSX của nông dân. Các nhân tố kế đến là: kiến thức canh tác, kỹ năng canh tác, tác động của sự tham gia tập huấn và tác động của sự trao đổi với CBKN.

Các nhân tố dự đoán này đều có tương quan thuận với HQSX của nông dân. Hệ số tương quan giảm dần như sau: kinh nghiệm canh tác ( $r = 0,48$ ), động lực canh tác của nông dân ( $r = 0,41$ ), ảnh hưởng của tập huấn ( $r = 0,38$ ), tác động của sự trao đổi với CBKN ( $r = 0,28$ ), kiến thức canh tác của nông dân ( $r = 0,26$ ), và kỹ năng canh tác của nông dân ( $r = 0,25$ ).

Ngoài ra, các biến số độc lập có tương quan với nhau, cụ thể là kỹ năng và kiến thức canh tác, ảnh hưởng của tập huấn và kiến thức canh tác đều có hệ số tương quan  $r$  là  $0,31$ . Sự tương quan này góp phần làm tăng HQSX của nông dân canh tác cây có múi trong vùng ĐBSCL.

### 4.2 Đề nghị

Kinh nghiệm canh tác và động lực canh tác là hai nhân tố có tác động tốt nhất đến HQSX của nông dân. Đây là những phẩm chất tốt đẹp nhất của nông dân miệt vườn. Những nhân tố này cần phải được kế thừa và phát huy trong cộng đồng nông thôn.

Hai nhân tố kiến thức canh tác, và kỹ năng canh tác thuộc về năng lực của nông dân. Sự đóng góp HQSX của nông dân vẫn còn giới hạn. Cần có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể không những chỉ là kế hoạch ngắn hạn mà phải có kế hoạch lâu dài để phát triển nguồn nhân lực bền vững cho nông thôn.

Bên cạnh đó, sự tham gia tập huấn và sự trao đổi của nông dân với CBKN là hai nhân tố dự đoán có mức độ ảnh hưởng thấp đến HQSX của nông dân, cần phải được cải thiện. Các cơ quan chức năng cần quan tâm hơn nữa trong các hoạt động tập huấn - đào tạo nghề và tạo mối quan hệ tốt với nông dân.

Cần tiếp tục nghiên cứu những nhân tố khác có tác động tích cực đến HQSX của nông dân. Đồng thời, những yếu tố rào cản làm hạn chế quá trình ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quản lý và tiêu thụ sản phẩm của nông dân cũng cần được đặt ra để nghiên cứu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc. 2008. *Phân tích số liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB. Hồng Đức.
- Howitt, D. and Cramer, D. 2005. *Introduction to statistics in Psychology* (3<sup>rd</sup> edd.). Pearson Prentice Hall.
- Neuman, W. L. 2000. *Social research methods: qualitative and quantitative approaches* (4<sup>th</sup> edd.), Allyn and Bacon.
- Ngô Thị Thuận. 2005. *Phát triển năng lực tập huấn trong nông nghiệp nông thôn*. NXB. Nông nghiệp.
- Tổng cục Thống kê. 2010. *Niên giám thống kê năm 2009*. NXB. Thống kê.
- TTKN-KNQG [Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quốc gia]. 2009. Báo cáo tổng kết hoạt động Khuyến nông - Khuyến ngư giai đoạn 1993 - 2008 và định hướng hoạt động giai đoạn 2009 - 2010. *Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quốc gia*, Truy cập tại website <http://www.khuyennongvn.gov.vn/b-vanban-tb/d-bao-cao-hang-nam>.
- Võ Tòng Xuân. 2005. *Đồng bằng sông Cửu Long cần sự phát triển toàn vùng* trong Nguyễn Thế Nghĩa, Bùi Quang Huy và Lê Thế Đạt (Chủ biên). 2005. *Đồng bằng sông Cửu Long: Hội nhập và phát triển*. NXB. Khoa học Xã hội.